TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2024/DS-ST
Ngày: 19/7/2024
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Nguyệt Mai

2/ Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N tham gia phiên tòa*:* Bà Trần Thị Hồng Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2023/DSST ngày 19 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2024/QĐHPTST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng A)
Trụ sở: 442 đường K, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật là ông Từ Tiến P – Chức vụ: Tổng Giám đốc.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân M– Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số 1019/UQ-QLN.24 ngày 04/7/2024)

Bị đơn: Bà Trương Băng T, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: 151/1C đường T, Phường H, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Ngân hàng A) có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Xuân M trình bày:

Ngân hàng Ngân hàng A và bà Trương Băng T thỏa thuận ký kết Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số PDL.CN.01050108 ngày 05/01/2008 (số tài khoản vay: 34065869), số tiền cho vay: 100.000.000 đồng, với mục đích Tiêu dùng tín chấp/ Hỗ trợ tiêu dùng, thời hạn cho vay: 48 tháng, kể từ ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay, lãi suất trong hạn 0,82%/tháng, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, phạt trễ kỳ: 200.000 đồng/kỳ trễ hạn.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, kể từ ngày ký kết đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 15.582.423 đồng (trong đó: vốn gốc là 10.416.665 đồng, lãi trong hạn là 4.165.758 đồng, phạt trễ kỳ 1.000.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 05/01/2012, Ngân hàng A chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 19/7/2024, bà Trương Băng T còn nợ Ngân hàng Ngân hàng A tổng số tiền là 301.626.192 đồng (Bằng chữ: Ba trăm lẻ một triệu sáu trăm hai mươi sáu ngàn một trăm chín mươi hai đồng). Trong đó bao gồm nợ gốc là 89.583.335 đồng, lãi trong hạn là 35.260.000 đồng, lãi quá hạn là 168.182.857 đồng và phạt trễ kỳ là 8.600.000 đồng. Do đó, Ngân hàng Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà Trương Băng T phải thanh toán làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/7/2024 là 301.626.192 đồng. Ngoài ra, bà T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 20/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn – bà Trương Băng T trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do.

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có bản tự khai và Tóm tắt sao kê đề ngày 19/7/2024 xác định số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (19/7/2024) mà bà T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Ngân hàng A là 301.626.192 đồng (Bằng chữ: ba trăm lẻ một triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn một trăm chín mươi hai đồng). Trong đó bao gồm nợ gốc là 89.583.335 đồng, lãi trong hạn là 35.260.000 đồng, lãi quá hạn là 168.182.857 đồng và phạt trễ kỳ là 8.600.000 đồng (Do không trả lãi đúng hạn nên từ kỳ tháng 07/2008 (bắt đầu từ ngày 05/7/2008) đến kỳ tháng 01/2012, bà T phải chịu tiền phạt trễ kỳ 200.000 đồng/kỳ x 43 kỳ = 8.600.000 đồng). Ngoài ra, bà Trương Băng T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 20/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận N phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A, buộc bị đơn bà Trương Băng T thanh toán tổng số tiền là 301.626.192 đồng (Bằng chữ: Ba trăm lẻ một triệu sáu trăm hai mươi sáu ngàn một trăm chín mươi hai đồng). Trong đó bao gồm nợ gốc là 89.583.335 đồng, lãi trong hạn là 35.260.000 đồng, lãi quá hạn là 168.182.857 đồng và phạt trễ kỳ là 8.600.000 đồng. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà Trương Băng T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 20/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Án phí bà T chịu theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Ngân hàng A) khởi kiện, yêu cầu bà Trương Băng T trả tiền nợ theo hợp đồng tín dụng. Trên hợp đồng tín dụng ghi địa chỉ bị đơn tại số 151/1C đường T, Phường H, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh của Công an Phường H, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bà T có đăng ký thường trú tại số 151/1C đường T, Phường H, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và chỗ ở hiện nay tại 17.05 căn hộ cao cấp số 86 đường Đ, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung và xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn là Ngân hàng Ngân hàng A có đơn đề nghị được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án. Bị đơn là bà Trương Băng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số PLD.CN.01050108 (Số tài khoản vay: 34065869) giữa bà Trương Băng T và Ngân hàng Ngân hàng A ký ngày

05/01/2008. Ngày 05/01/2012, Ngân hàng Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tháng 04 năm 2023, Ngân hàng Ngân hàng A mới khởi kiện bà T để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi quá hạn là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà T không có mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề thời hiệu theo khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét bà Trương Băng T đã ký Hợp đồng tín dụng trả góp số PLD.CN.01050108 (Số tài khoản vay: 34065869) ngày 05/01/2008 với Ngân hàng Ngân hàng A để vay khoản tiền là 100.000.000 đồng.

[3.2] Theo Bản tóm tắt sao kê do Ngân hàng Ngân hàng A nộp cho Toà án ngày 19/7/2024, Hội đồng xét xử xác định Ngân hàng Ngân hàng A đã giải ngân cho bà T từ ngày 05/6/2008. Số tiền bà T đã thanh toán là 15.582.423 đồng. Khoản tiền trên được thanh toán cho các khoản nợ gốc và lãi trong hạn theo khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số PLD.CN.01050108 (Số tài khoản vay: 34065869) của Ngân hàng.

Số tiền nợ gốc còn lại được tính theo cách: Số tiền cho vay - số tiền thanh toán thực tế (số tiền thanh toán thực tế = số tiền bà T thanh toán trừ đi lãi trong hạn).

[3.3] Căn cứ vào khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng tín dụng trả góp số PLD.CN.01050108 của Ngân hàng Ngân hàng A cung cấp, đối chiếu với thời điểm vay thể hiện mức lãi suất trong hạn là 0,82%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu) áp dụng cho hợp đồng tín dụng số PLD.CN.01050108 đối với bà T là đúng quy định pháp luật.

[3.4] Căn cứ vào Điều 3 của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số PLD.CN.01050108 (Số tài khoản vay: 34065869) của Ngân hàng A có thể hiện nội dung: *«Ngân hàng A có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn tất cả các khoản vay chưa thanh toán của Bên vay trong trường hợp bên được cấp tín dụng vi phạm Hợp đồng tín dụng, các thoả thuận và cam kết với Ngân hàng A».* Theo đó, *«Sau 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng A có thông báo thu hồi nợ trước hạn mà Bên vay vẫn không thanh toán đủ nợ vay (bao gồm: nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác), Ngân hàng A chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn và áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ vay, các chi phí có liên quan»*

[3.5] Căn cứ bản Tóm tắt sao kê ngày 19/7/2024 của Ngân hàng Ngân hàng A cung cấp cho thấy ngày 05/01/2012 Ngân hàng Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với dư nợ tại thời điểm này là 89.583.335 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn (lãi suất trong hạn là 0,82%/tháng theo Điều 4 Hợp đồng tín dụng trả góp số PLD.CN.01050108 ngày 05/01/2008). Như vậy, lãi quá hạn của bà T

được Ngân hàng Ngân hàng A tính 150% x 0,82%/tháng = 1,23%/tháng (tương đương 14,76%/năm), tính từ ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 05/01/2012 đến nay, số tiền là 168.182.857 đồng.

[3.6] Căn cứ theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng tín dụng trả góp số PLD.CN.01050108 (Số tài khoản vay: 34065869) có nội dung *«Số tiền phạt của một kỳ trễ hạn: 200.000 đồng/kỳ trễ hạn»*. Căn cứ Bảng tính lãi theo tài khoản ngày 11/4/2023 của Ngân hàng Ngân hàng A cung cấp cho thấy do không trả lãi đúng hạn nên từ kỳ tháng 07/2008 (bắt đầu từ ngày 05/7/2008) đến kỳ tháng 01/2012, bà T phải chịu tiền phạt trễ kỳ 200.000 đồng/kỳ x 43 kỳ = 8.600.000 đồng.

[3.7] bà T không có mặt tại Tòa án để cho lời khai hoặc nêu ý kiến về các khoản tiền gốc, tiền lãi đã thanh toán và các khoản phí mà Ngân hàng A yêu cầu được xem là bà T đã từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh cho mình. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Ngân hàng A với số nợ gốc, nợ lãi quá hạn mà Ngân hàng Ngân hàng A yêu cầu bà T phải trả.

[3.8] Từ các nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Ngân hàng A đối với khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng trả góp số PLD.CN.01050108 (Số tài khoản vay: 34065869) của bà T với tổng số tiền (tạm tính đến ngày 19/7/2024) là tổng số tiền là 301.626.192 đồng (Bằng chữ: Ba trăm lẻ một triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn một trăm chín mươi hai đồng), trong đó bao gồm nợ gốc là 89.583.335 đồng, lãi trong hạn là 35.260.000 đồng, lãi quá hạn là 168.182.857 đồng và phạt trễ kỳ là 8.600.000 đồng.

[3.9] Về thời hạn thanh toán: Từ tháng 7 năm 2008, bà T đã không thanh toán bất kì khoản tiền nào cho Ngân hàng Ngân hàng A, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng Ngân hàng A. Do vậy, cần buộc bà T thanh toán các khoản nợ làm một lần cho Ngân hàng Ngân hàng A sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng Ngân hàng A được chấp nhận nên bị đơn là bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là Ngân hàng Ngân hàng A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A *(gọi tắt là Ngân hàng Ngân hàng A)*:

1.1. Buộc bà Trương Băng T phải trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số tiền là 301.626.192 đồng (Bằng chữ: Ba trăm lẻ một triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn một trăm chín mươi hai đồng), trong đó bao gồm nợ gốc là 89.583.335 đồng (Bằng chữ: Tám mươi chín triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng), lãi trong hạn là 35.260.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng), lãi quá hạn là 168.182.857 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám triệu một trăm tám mươi hai nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng) và phạt trễ kỳ là 8.600.000 đồng (Bằng chữ: Tám triệu sáu trăm nghìn đồng) theo Hợp đồng tín dụng trả góp số PLD.CN.01050108 (Số tài khoản vay: 34065869) của Ngân hàng Thương mại cổ phần A và bà Trương Băng T ký kết ngày ngày 05/01/2008.

Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Trương Băng T chịu 15.081.310 đồng (Mười lăm triệu không trăm tám mươi mốt ngàn ba trăm mười đồng).

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 7.190.722 đồng (Bảy triệu một trăm chín mươi nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0010747 ngày 19/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A và bà Trương Băng T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKS nhân dân Quận N;
- Chi Cục THADS Quận N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thanh Trang